

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Đại.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Xuân Thập.

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phan Quyết Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Cửu, tỉnh Đồng Nai:** Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số nhà 585, tổ 14, ấp B, huyện B, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hữu H1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Chị H, anh H1 có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu H1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70/2017 ngày 09/10/2017. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nhưng không hàn gắn được. Đến tháng 4/2020 thì vợ chồng sống ly thê cho đến nay.

Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H1 .

-Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 11/9/2018. Ly hôn chị yêu cầu giao cháu Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh H1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2017. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng anh có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có lúc không hiểu nhau dẫn đến cãi vã. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 11/9/2018. Ly hôn anh yêu cầu giao cháu Q cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 11/9/2018. Hiện nay cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Anh Lê Hữu H1 cư trú tại: Tổ 8, ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2]Về quan hệ hôn nH: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã T, huyện V, tỉnh Đ vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014, hôn nH giữa chị H và anh H1 là hôn nH hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H1 nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 xảy ra từ khoảng đầu năm 2020 đến nay, nguyên nH vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không hiểu và chia sẻ, thông cảm cho nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh H1 đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng đã có thời gian sống ly tH nhau và đến nay không còn chung sống. Từ lúc hai vợ chồng có mâu thuẫn cho đến nay anh, chị cũng không có biện pháp gì để hai vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn. Chị H xin ly hôn thì anh H1 đồng ý.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì quá trình chị H, anh H1 chung sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nH do bất đồng quan điểm sống, hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nH không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, chị H được ly hôn với anh H1.

[3]Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 11/9/2018. Cả chị H và anh H1 đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Lê Ngọc Như Q chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nH và gia đình năm 2014 quy định: *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.* Đồng thời, căn cứ biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện, chị H hiện nay có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định để có thể đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Do đó, cần giao cháu Q cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H1 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Trần Thị Ngọc H.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn anh Lê Hữu H1 .

-Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 11/9/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H1 được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

-Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003413 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã T
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Đại**